

08	- MSLĐ 28%	173.000 đ	48	- MSLĐ 68%	421.000 đ
09	- MSLĐ 29%	180.000 đ	49	- MSLĐ 69%	427.000 đ
10	- MSLĐ 30%	186.000 đ	50	- MSLĐ 70%	433.000 đ
11	- MSLĐ 31%	192.000 đ	51	- MSLĐ 71%	439.000 đ
12	- MSLĐ 32%	198.000 đ	52	- MSLĐ 72%	445.000 đ
13	- MSLĐ 33%	204.000 đ	53	- MSLĐ 73%	452.000 đ
14	- MSLĐ 34%	210.000 đ	54	- MSLĐ 74%	458.000 đ
15	- MSLĐ 35%	217.000 đ	55	- MSLĐ 75%	464.000 đ
16	- MSLĐ 36%	223.000 đ	56	- MSLĐ 76%	470.000 đ
17	- MSLĐ 37%	229.000 đ	57	- MSLĐ 77%	477.000 đ
18	- MSLĐ 38%	235.000 đ	58	- MSLĐ 78%	483.000 đ
19	- MSLĐ 39%	241.000 đ	59	- MSLĐ 79%	489.000 đ
20	- MSLĐ 40%	248.000 đ	60	- MSLĐ 80%	495.000 đ
21	- MSLĐ 41%	254.000 đ	61	- MSLĐ 81%	501.000 đ
22	- MSLĐ 42%	260.000 đ	62	- MSLĐ 82%	508.000 đ
23	- MSLĐ 43%	266.000 đ	63	- MSLĐ 83%	514.000 đ
24	- MSLĐ 44%	272.000 đ	64	- MSLĐ 84%	520.000 đ
25	- MSLĐ 45%	278.000 đ	65	- MSLĐ 85%	526.000 đ
26	- MSLĐ 46%	285.000 đ	66	- MSLĐ 86%	532.000 đ
27	- MSLĐ 47%	291.000 đ	67	- MSLĐ 87%	538.000 đ
28	- MSLĐ 48%	297.000 đ	68	- MSLĐ 88%	544.000 đ
29	- MSLĐ 49%	303.000 đ	69	- MSLĐ 89%	551.000 đ
30	- MSLĐ 50%	310.000 đ	70	- MSLĐ 90%	557.000 đ
31	- MSLĐ 51%	316.000 đ	71	- MSLĐ 91%	563.000 đ
32	- MSLĐ 52%	322.000 đ	72	- MSLĐ 92%	569.000 đ
33	- MSLĐ 53%	328.000 đ	73	- MSLĐ 93%	576.000 đ
34	- MSLĐ 54%	334.000 đ	74	- MSLĐ 94%	582.000 đ
35	- MSLĐ 55%	340.000 đ	75	- MSLĐ 95%	588.000 đ
36	- MSLĐ 56%	347.000 đ	76	- MSLĐ 96%	594.000 đ
37	- MSLĐ 57%	353.000 đ	77	- MSLĐ 97%	600.000 đ
38	- MSLĐ 58%	359.000 đ	78	- MSLĐ 98%	606.000 đ
39	- MSLĐ 59%	365.000 đ	79	- MSLĐ 99%	613.000 đ
40	- MSLĐ 60%	371.000 đ	80	- MSLĐ 100%	619.000 đ

THÔNG TƯ số 06/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 19/02/2003 hướng dẫn thực
hiện điều chỉnh mức lương hưu
và trợ cấp bảo hiểm xã hội theo
Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày
15/01/2003 của Chính phủ.

Thi hành khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương; sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng thực hiện điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ, bao gồm:

1. Người hưởng lương hưu (bao gồm hưu cán bộ, công chức, viên chức, công nhân; hưu quân đội, công an, cơ yếu);

2. Người hưởng trợ cấp mất sức lao động (kể cả người hưởng trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ);

3. Người hưởng trợ cấp công nhân cao su;

4. Người hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tử tuất;

5. Cán bộ xã, phường nghỉ việc hưởng trợ cấp theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ.

II. CÁCH TÍNH MỨC LƯƠNG HƯU VÀ TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI

Các đối tượng quy định tại Mục I nêu trên được tính mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội như sau:

1. Đối với những người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp công nhân cao su, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tiền tuất hàng tháng trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 thì mức hưởng từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 được tính như sau:

a) Những người hưởng lương hưu theo Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 218/CP ngày 27/12/1961, Nghị định số 161/CP ngày 30/10/1964 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung ban hành trước ngày 18 tháng 9 năm 1985, kể cả người hưởng lương hưu sau ngày 18 tháng 9 năm 1985 mà lương hưu vẫn tính hưởng theo Nghị định số 218/CP và Nghị định số 161/CP nêu trên thì mức lương hưu tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{hưởng từ} \\ 01/01/2003 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{hiện hưởng} \\ \text{tháng 12/2002} \end{array} \times 1,46$$

Mức lương hưu hiện hưởng tháng 12 năm 2002 bao gồm cả mức trợ cấp tăng thêm 25.000 đồng/tháng đối với những người hưởng theo Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 22/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A nghỉ hưu tháng 7 năm 1985 (theo Nghị định số 218/CP), có mức lương hưu hiện hưởng tháng 12 năm 2002 là

425.000 đồng (trong đó 400.000 đồng là tiền lương hưu tính theo thang lương, bảng lương và có khoản trợ cấp 25.000 đồng/tháng được hưởng theo Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 22/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ) thì từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, mức lương hưu tính như sau:

$$425.000 \text{ đồng} \times 1,46 = 620.500 \text{ đồng.}$$

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B nghỉ hưu tháng 11 năm 1985, nhưng lương hưu được tính theo Nghị định số 218/CP, có mức lương hưu hiện hưởng tháng 12 năm 2002 là 450.000 đồng thì từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 mức lương hưu tính như sau:

$$450.000 \text{ đồng} \times 1,46 = 657.000 \text{ đồng.}$$

b) Những người hưởng lương hưu theo Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), kể cả người hưởng lương hưu sau ngày 01 tháng 01 năm 1994 mà lương hưu vẫn tính hưởng theo Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng thì mức lương hưu tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{hưởng từ} \\ 01/01/2003 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{hiện hưởng} \\ \text{tháng 12/2002} \end{array} \times 1,46$$

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn C nghỉ hưu tháng năm 1990 (theo Nghị định số 236/HĐBT), có mức lương hưu hiện hưởng tháng 12 năm 2002 là 576.000 đồng thì từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 mức lương hưu tính như sau:

$$576.000 \text{ đồng} \times 1,42 = 817.920 \text{ đồng.}$$

Ví dụ 4: Ông Nguyễn Văn D nghỉ hưu tháng 8 năm 1993, nhưng lương hưu được tính theo Nghị định số 236/HĐBT, có mức lương hưu hiện hưởng tháng 12 năm 2002 là 581.000 đồng thì từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 mức lương hưu tính như sau:

$$581.000 \text{ đồng} \times 1,42 = 825.020 \text{ đồng.}$$

c) Những người hưởng lương hưu theo Nghị định số 43/CP ngày 22/6/1993, Nghị định số 6E/CP ngày 30/9/1993, Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995, Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ, kể cả người hưởng lương hưu theo các văn bản sửa đổi, bổ sung ban hành sau ngày 22 tháng 6 năm 1993 và người hưởng lương hưu theo mức ấn định thì mức lương hưu tính như sau:

092.0459

www.lawson.vn * Tel: 84-8-3845 6684 * LawSON

Mức lương hưu hưởng từ 01/01/2003	=	Mức lương hưu hiện hưởng tháng 12/2002	x	1,381
---	---	--	---	-------

Ví dụ 5: Ông Nguyễn Văn Đ nghỉ hưu tháng 6 năm 1994 (theo Nghị định số 43/CP), có mức lương hưu hiện hưởng tháng 12 năm 2002 là 555.000 đồng thì từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 mức lương hưu tính như sau:

555.000 đồng x 1,381 = 766.455 đồng.

d) Những người hưởng trợ cấp mất sức lao động; trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ; trợ cấp công nhân cao su; trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tiền tuất hàng tháng thì mức trợ cấp được tính như sau:

Mức trợ cấp hưởng từ 01/01/2003	=	Mức trợ cấp hiện hưởng tháng 12/2002	x	1,381
---------------------------------------	---	--	---	-------

Ví dụ 6: Ông Nguyễn Văn E nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động tháng 5 năm 1985, có mức trợ cấp hiện hưởng tháng 12 năm 2002 là 250.000 đồng, từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 mức trợ cấp tính như sau:

250.000 đồng x 1,381 = 345.250 đồng.

e) Cán bộ xã, phường nghỉ việc hưởng trợ cấp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ thì mức trợ cấp tính như sau:

Mức trợ cấp hưởng từ 01/01/2003	=	Mức trợ cấp hiện hưởng tháng 12/2002	x	1,381
---------------------------------------	---	--	---	-------

2. Người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 trở đi theo quy định tại Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995, Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995, Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung ban hành sau ngày 26 tháng 01 năm 1995 thì mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội được tính theo mức tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng đối với người đóng bảo hiểm xã hội theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định; người nghỉ hưu vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo thang lương, bảng lương do

Nhà nước quy định, vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội không theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định thì việc tính mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm cuối cùng trong khu vực Nhà nước được tính theo mức tiền lương 290.000 đồng/tháng đối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định.

3. Đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 hoặc nghỉ việc hưởng trợ cấp 1 lần, trợ cấp ốm đau, thai sản hoặc chết trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 vẫn còn thời hạn hưởng trợ cấp hoặc mới tính hưởng trợ cấp thì tính như sau:

a) Đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp điều trị và ra viện trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 thì mức trợ cấp 1 lần hoặc mức trợ cấp hàng tháng của thời gian trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 được trả theo mức trợ cấp tháng 12 năm 2002. Trường hợp điều trị trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 và ra viện từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 trở đi thì các khoản trợ cấp được tính theo mức tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

Ví dụ 7: Ông Trần Văn N, bị tai nạn lao động được điều trị và ra viện ngày 01 tháng 12 năm 2002, tháng 2 năm 2003 được xếp hạng thương tật 41%; trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng của ông N được tính hưởng như sau:

- Trợ cấp tháng 12 năm 2002 được tính theo mức lương tối thiểu 210.000 đồng/tháng.

- Trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 được tính theo mức tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

Ví dụ 8: Ông Trần Văn M, bị tai nạn lao động được điều trị ngày 01 tháng 11 năm 2002, ra viện ngày 15 tháng 01 năm 2003, được xếp hạng thương tật 45%; trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng của ông M được tính hưởng theo mức tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

b) Đối với người nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 trở đi vẫn còn thời hạn hưởng trợ cấp thì thời gian nghỉ việc do ốm đau, thai sản trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 được hưởng trợ cấp theo mức tháng 12 năm

2002. Thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 trở đi tính theo mức tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

Ví dụ 9: Ông Nguyễn Văn Q đóng bảo hiểm xã hội theo mức tiền lương trong hệ thống thang lương, bảng lương của Nhà nước, nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau từ ngày 15/12/2002, thời gian được hưởng trợ cấp ốm đau là 30 ngày, cách tính hưởng trợ cấp như sau: 17 ngày hưởng mức trợ cấp của tháng 12 năm 2002, thời gian còn lại là 13 ngày được hưởng trợ cấp theo mức tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

Ví dụ 10: Bà Trần Thị T đóng bảo hiểm xã hội theo mức tiền lương trong hệ thống thang lương, bảng lương của Nhà nước, nghỉ việc hưởng trợ cấp thai sản từ ngày 01/11/2002, thời hạn nghỉ sinh con là 4 tháng, cách tính hưởng trợ cấp như sau: mức trợ cấp tháng 11 và 12 năm 2002 tính theo tiền lương tối thiểu 210.000 đồng/tháng, thời gian còn lại 2 tháng được hưởng trợ cấp theo mức tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

c) Đối với người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần đã nghỉ việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 nhưng từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 trở đi mới có quyết định trợ cấp 1 lần của cơ quan Bảo hiểm xã hội thì tính theo mức tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

d) Đối với người bị chết trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 nhưng thân nhân chưa nhận tiền mai táng và trợ cấp 1 lần thì trả theo mức trợ cấp tháng 12 năm 2002.

4. Đối với quân nhân, công an nhân dân chuyển ngành nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động hưởng trợ cấp theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 812/TTg ngày 12/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ; người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cư trú ở nơi có phụ cấp khu vực thì khoản trợ cấp chuyển ngành hoặc phụ cấp khu vực được tính trên mức tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng. Người về hưu sống cô đơn hưởng chế độ theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 812/TTg ngày 12/12/1995 được điều chỉnh mức lương hưu bằng 435.000 đồng/tháng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối

hợp với Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức hướng dẫn các cơ quan: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính - Vật giá, Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan chức năng kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện và lập báo cáo theo quy định sau:

a) Thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và tổ chức chi trả cho các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đúng quy định.

b) Bảo đảm kinh phí chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng thuộc Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả.

c) Lập báo cáo theo mẫu kèm theo Thông tư này, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

d) Thực hiện thu bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng hưởng lương theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định tính trên mức tiền lương tối thiểu đã được điều chỉnh theo Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ.

4. Kinh phí tăng thêm do điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội của các đối tượng thuộc ngân sách chi trả do Bộ Tài chính bảo đảm.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; các chế độ quy định tại Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2003.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh
và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI
VÀ TỔNG QUỸ TĂNG THÊM**

*(kèm theo Thông tư số 06/2003/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2003
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).*

Đối tượng	Số người hưởng chế độ thời điểm tháng 12 năm 2002	Tổng kinh phí chi trả thời điểm tháng 12 năm 2002	Tổng kinh phí tăng thêm do điều chỉnh theo Nghị định số 03/2003/NĐ-CP	Tổng kinh phí chi trả thời điểm tháng 01 năm 2003
<p>1. Hưu trí</p> <p>a) Người hưởng lương hưu theo Nghị định số 218/CP và 161/CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hưu công nhân, viên chức, công chức^(*) - Hưu quân đội <p>b) Người hưởng lương hưu theo Nghị định số 236/HDBT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hưu công nhân, viên chức, công chức - Hưu quân đội <p>c) Người hưởng lương hưu theo Nghị định số 43/CP, 66/CP, 12/CP và 45/CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hưu công nhân, viên chức, công chức <p>+ Trong đó: do ngân sách nhà nước bảo đảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hưu liên doanh - Hưu các thành phần kinh tế khác - Hưu quân đội <p>+ Trong đó: do ngân sách nhà nước bảo đảm</p> <p>2. Mất sức lao động:</p> <p>3. Trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg</p> <p>4. Trợ cấp công nhân cao su</p> <p>5. Trợ cấp TNLD hàng tháng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong đó: do ngân sách nhà nước bảo đảm <p>6. Trợ cấp bệnh nghề nghiệp hàng tháng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong đó: do ngân sách nhà nước bảo đảm <p>7. Tiền tuất hàng tháng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong đó: do ngân sách nhà nước bảo đảm <p>8. Trợ cấp theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP</p>				
Tổng cộng				

^(*) Hưu công nhân, viên chức, công chức bao gồm những người trước khi nghỉ hưu làm việc ở doanh nghiệp nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước.

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

09640459